

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2024/HS-PT

Ngày 27/8/2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy

Các Thẩm phán: Ông Trần Hữu Hiệu

Bà Phạm Thúy Hằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Mai Trang - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Đinh Thu Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 107/2024/TLPT-HS ngày 05 tháng 8 năm 2024 đối với bị cáo Nguyễn Thị Thanh T, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Bị cáo có kháng cáo: **Nguyễn Thị Thanh T**, tên gọi khác: không; sinh năm 1998 tại tỉnh Hải Dương; nơi đăng ký thường trú và nơi ở: Xóm T, Thôn P, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T1 (đã chết) và bà Đào Thị Minh Đ; chồng là Lê Văn C và có 02 con, con lớn sinh năm 2020, nhỏ sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 27/02/2024 đến ngày 06/3/2024 thay đổi biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú; hiện tại ngoại. Có mặt

- Bị hại: Ông Bùi Văn B, sinh năm 1970; địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt

Bản án không bị kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thị Thanh T và chị Vũ Thị H (con dâu của ông Bùi Văn B) có quan hệ bạn bè. Khoảng 14 giờ ngày 21/02/2024, T đến nhà chị H chơi, tại đây có chị H và con trai là cháu Bùi Hoàng B1, sinh năm 2022 ở nhà. Khoảng 16 giờ cùng ngày, chị H đi đón con lớn ở trường mầm non xã T đã nhờ T trông nhà và cháu B1 giúp. Trong khi trông cháu B1, cháu B1 có chạy vào phòng ngủ của ông B, mở ngăn kéo để lấy đồ chơi, T đi theo đã nhìn thấy trong ngăn tủ có chìa khóa và tờ giấy ghi mật khẩu và cách mở kết, T đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản. T đưa cháu B1 ra ngoài phòng ngủ, rồi quay lại phòng ngủ lấy chìa khóa và tờ giấy ghi mật khẩu kết sắt rồi mở kết theo hướng dẫn. Khi mở được kết T thấy bên trong kết có 02 ngăn, ngăn bên dưới có 01 túi nilon màu xanh bên trong có các cọc tiền buộc bằng dây nịt bao gồm 05 cọc tiền mệnh giá 100.000đ; 05 cọc tiền mệnh giá 200.000đ; 03 cọc tiền mệnh giá 500.000đ, T tiếp tục dùng khóa mở ổ khóa ngăn trên thấy bên trong có nhiều trang sức bằng vàng, T đã lấy 02 sợi dây chuyền bằng vàng loại 9999, trọng lượng 03 chỉ/sợi; 01 đôi bông tai bằng vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ và 02 cọc tiền mệnh giá 500.000đ, mỗi cọc 50.000.000đ, T cho vào chiếc túi nhãn hiệu Zootopia của T mang theo sau đó khóa kết sắt lại, T để mảnh giấy và chìa khóa kết vào chỗ cũ, sau khi chị H đón con về thì T cũng ra về, Khoảng 16 giờ 40 phút cùng ngày T đến Cửa hàng V ở thôn Đ, xã T, huyện T bán cho bà Lê Thị H1 - Chủ cửa hàng 02 sợi dây chuyền và 01 đôi bông tai với giá 6.100.000đ/chỉ, sau đó T mua 01 đôi bông tai trọng lượng 1,5 chỉ với giá 10.275.000đ, bà H1 nhờ con dâu là chị M chuyển trả vào tài khoản số 1023158537 của T tại Ngân hàng V1 số tiền 32.775.000đ. Số tiền 100.000.000đ tiền mặt, T đã sử dụng trả nợ anh H2 số tiền 30.000.000đ do anh T2 nhận hộ, số tiền còn lại 70.000.000 đồng T nhờ chị T3 chuyển từ tài khoản của anh T4 vào tài khoản của T và đã chi tiêu cá nhân hết, 01 đôi bông tai mua của bà H1 bị cáo đã bán không thu giữ. Tổng số tiền bị cáo chiếm đoạt 145.150.000đ. Ngày 26/2/2024, Ông B phát hiện bị mất trộm tài sản đã đến Công an trình báo. Ngày 27/2/2024 T đã đến Công an huyện T đầu thú.

Tại Kết luận định giá tài sản số 05/KL-HĐĐGTS ngày 04/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong hoạt động tố tụng huyện T kết luận 02 sợi dây chuyền bằng vàng loại 9999 trọng lượng 03 chỉ và 01 đôi bông tai bằng vàng 9999 trọng lượng 01 chỉ, tổng trị giá 45.150.000 đồng.

Tại bản án sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 38; điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, xử phạt T 04 năm tù

về tội "Trộm cắp tài sản". Ngoài ra cấp sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 02 tháng 7 năm 2024, T kháng cáo đề nghị giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo giữ nguyên kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

- Đại diện VKSND tỉnh Hải Dương: Sau khi phân tích các tình tiết có trong hồ sơ vụ án, xác định cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị cáo trong thời hạn quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên hợp lệ và được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Về tội danh: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 16 giờ ngày 21/02/2024, tại nhà ông Bùi Văn B; địa chỉ: Xóm A, thôn T, xã T. Huyện T, tỉnh Hải Dương. Lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu, Nguyễn Thị Thanh T đã lén lút mở kết sắt chiếm đoạt số tiền 100.000.000 tiền Việt Nam đồng và 02 sợi dây chuyền trọng lượng 3 chỉ/sợi, 01 đôi bông tai trọng lượng 01 chỉ đều bằng vàng loại 9999. Tổng giá trị chiếm đoạt 145.150.000 đồng. Do đó Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà xét xử bị cáo về tội "Trộm cắp tài sản" quy định tại điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Về tội danh, bị cáo không kháng cáo và Viện kiểm sát không kháng nghị.

[3] Về hình phạt: Bị cáo không có tiền án, tiền sự; không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã nhờ mẹ đẻ bồi thường toàn bộ cho bị hại; sau khi phạm tội bị cáo đã đầu thú và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội nên cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn đối với bị cáo mới đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung. Do đó HĐXX không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo. Đối với kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt, xét thấy bị cáo đã bồi thường toàn bộ tiền chiếm đoạt cho bị hại; giai đoạn phúc thẩm bị cáo có thái độ thực sự ăn năn,

hội cải và nhận thức được lỗi của mình nên có căn cứ giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

[4] Về án phí: Bị cáo kháng cáo được chấp nhận một phần nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị Hội đồng xét xử không xem xét, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97 năm 2015; Nghị quyết 326/2012/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Chấp nhận một phần kháng cáo của Nguyễn Thị Thanh T; sửa bản án hình sự sơ thẩm số 48/2024/HS-ST ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương;

1. Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 173; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Thị Thanh T 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” được trừ 09 ngày tạm giữ (từ ngày 27/02/2024 đến ngày 06/3/2024), bị cáo còn phải chấp hành 29 (Hai mươi chín) tháng 21 (Hai mươi một) ngày. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày đi thi hành án.

2. Về án phí phúc thẩm: Bị cáo Nguyễn Thị Thanh T không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 27/8/2024.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT I – TAND tối cao;
- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Hải Dương;
- TAND huyện T (02 bản);
- VKSND huyện T;
- CQCSĐT, CQTHAHS – CA huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Bị cáo
- Bị hại;
- Lưu: HS, THS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Bùi Đăng Huy

